

Số: 07/2019/QĐST-KDTM

Phủ Lý, ngày 30 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 16/2019/TLST-KDTM ngày 06 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện: Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng NCB.

Địa chỉ trụ sở: 28C-28D B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Xuân Th - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ (theo Quyết định ủy quyền số 79/2017/QĐUQ-CTHĐQT ngày 10/11/2017).

Người được ông Phạm Xuân Thành ủy quyền lại:

1. Ông Phạm Hải L – Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ cao cấp.
2. Ông Vũ Duy H – Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ.
3. Bà Nguyễn Thị H1 – Chức vụ: Chuyên viên QHKKH-TTBL Trần Khát Chân.

(Theo Giấy ủy quyền số 150/2019/UQ-NCB ngày 03/6/2019).

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn vận tải T

Địa chỉ trụ sở: Số 278, tổ 9, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Hoài N, sinh năm 1979 - Chức vụ: Giám đốc.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau.

2.1. Về giao kết và thực hiện hợp đồng: Các đương sự thống nhất NCB và Công ty T có ký kết hợp đồng cho vay số 016/16/HĐCV/104-64 ngày 29/8/2016, số tiền vay: 950.000.000 đồng, lãi suất trong hạn: 9,2%/năm trong 12 tháng đầu, từ tháng tiếp theo lãi suất áp dụng đối với các khoản vay điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần theo quy định của ngân hàng (không quá 3,5%/ năm so với lãi suất thỏa thuận ban đầu), việc thanh toán gốc và lãi được chia thành 72 kỳ tương ứng với 72 tháng, trả theo kỳ vào ngày 25 hàng tháng, kỳ thứ nhất là ngày 25/9/2016 và từ kỳ thứ 1 đến kỳ 71 số tiền gốc hàng tháng là 13.200.000 đồng và lãi theo hợp đồng đã ký, kỳ thứ 72 số tiền gốc là 12.800.000 đồng và số lãi còn lại phát sinh trong hợp đồng, ngày đến hạn trả nợ cuối cùng 29/8/2022, mục đích sử dụng vốn vay: mua xe tải tự đổ nhãn hiệu Howo, hình thức bảo đảm nợ vay: Thế chấp tài sản.

Tài sản thế chấp đã đăng ký thế chấp đúng quy định của pháp luật: 01 xe tải tự đổ nhãn hiệu HOWO xuất xứ Trung Quốc, 02 chỗ, màu xanh, biển kiểm soát: 90C-057.01, số khung: LZZ5EXSA5GN127748, số máy: WD6154716040703557, chủ phương tiện: Công ty TNHH vận tải T.

2.2. Về quá trình thực hiện hợp đồng: các bên thống nhất xác nhận ngày 29/8/2016 NCB đã giải ngân và Công ty T đã nhận đủ tiền. Từ ngày 25/9/2016 đến 25/4/2018 Công ty T đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ gốc là 264.000.000 đồng và 142.915.887 đồng tiền lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng. Từ 25/5/2018 đến nay công ty gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh nên không tiếp tục trả được gốc và lãi theo hợp đồng đã lập với NCB số 016/16/HĐCV/104-64 ngày 29/8/2016.

2.3. Về nghĩa vụ thanh toán: Tính đến ngày 20/12/2019 Công ty T có nghĩa vụ trả cho NCB tổng số tiền 853.032.843 đồng (trong đó nợ gốc: 435.200.000 đồng, nợ gốc quá hạn: 250.800.000 đồng, nợ lãi đến hạn: 3.928.889 đồng, nợ lãi quá hạn: 108.385.010 đồng, tiền phạt chậm trả: 54.718.944 đồng). Việc thanh toán chia thành 11 kỳ tương ứng với thời hạn là 01 năm, cụ thể là: kỳ thứ nhất ngày 25/02/2020 công ty T thanh toán 144.000.000 đồng, từ ngày 25/3/2020 cho đến 25/11/2020 tương ứng với 10 kỳ thanh toán (vào các ngày 25 hàng tháng), mỗi kỳ công ty T thanh toán 72.000.000 đồng, kỳ thứ 11 là ngày

25/12/2020, số tiền công ty T thanh toán là: 61.032.743 đồng và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 21/12/2019 cho đến khi công ty T thanh toán xong các khoản nợ theo hợp đồng cho vay số 016/16/HĐCV/104-64 ngày 29/8/2016.

2.4. Về thời hạn xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp Công ty T vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào theo mục 2.3 của quyết định công nhận sự thỏa thuận này thì NCB có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản mà công ty T đã thế chấp là: 01 xe tải tự đổ nhãn hiệu HOWO xuất xứ Trung Quốc, 02 chỗ, màu xanh, biển kiểm soát: 90C-057.01, số khung: LZZ5EXSA5GN127748, số máy: WD6154716040703557, chủ phương tiện: Công ty T. Trường hợp khi xử lý tài sản thế chấp mà không trả hết nợ thì Công ty T vẫn phải thực hiện nghĩa vụ trả hết tất cả các khoản nợ đối với ngân hàng theo hợp đồng cho vay số 016/16/HĐCV/104-64 ngày 29/8/2016.

2.5. Về trách nhiệm nộp án phí: án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm của vụ án là: 18.795.493đ (làm tròn là 18.795.000đ). Đôi bên thỏa thuận: Công ty T phải nộp 9.734.000đ (chín triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn đồng); NCB nộp 9.061.000đ (chín triệu không trăm sáu mươi một nghìn đồng); đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà NCB đã nộp theo biên lai số AA/2015/0002163 ngày 18 tháng 7 năm 2019) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý là 19.670.000đ (mười chín triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng), NCB được nhận lại là 10.609.000đ (mười triệu sáu trăm linh chín nghìn đồng).

2.6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: NCB đã thanh toán đủ 2.700.000đ. Công ty T phải nộp 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) để hoàn trả lại cho NCB.

Kể từ ngày 31/12/2019 (ngày tiếp theo của ngày ra quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự) cho đến khi thi hành án xong, nếu chậm thi hành án thì bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất đã thỏa thuận giữa công ty T và NCB tại hợp đồng số 016/16/HĐCV/104-64 ngày 29/8/2016 cho đến khi thi hành xong các khoản nợ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

(đã ký)

Nguyễn Thị Mai Oanh